

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 19 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Mỹ N, địa chỉ: 299/3, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)
2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn M, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ N trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2009, sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 12/4/2016. Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thị Tiêu Y sinh ngày 29/4/2010 và Nguyễn Thị Thanh N1 sinh ngày 18/4/2017, hiện nay cả 02 cháu đang sống chung với bà N. Quá trình chung sống do ông M thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con, còn xúc phạm đến người thân của bà, nên bà N đã cùng các con trở về gia đình cha mẹ ruột để ở và vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay; nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông M; về con chung bà N yêu cầu được trực tiếp

nuôi cả hai cháu và không yêu cầu ông M cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, trong đơn khởi kiện ban đầu bà N có yêu cầu nhận lại 01 tủ áo (nhôm kiếng) do cha mẹ của bà cho trong ngày cưới hiện ông M đang quản lý, nhưng sau đó bà thay đổi rút lại phần yêu cầu này để bà và ông M tự thỏa thuận trong giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M thừa nhận phần trình bày của bà N về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông M cho biết từ khi vợ chồng cưới nhau năm 2009 về sống bên gia đình cha mẹ của ông, thỉnh thoảng ông cũng có rượu chè, bà N có khuyên nhủ và ông cũng có sửa đổi; cách nay khoảng 04 năm bà N muốn về bên cha mẹ ruột ở để tiện chăm sóc người thân vì cha ruột của bà N đang ở một mình lúc bấy giờ, ông M cũng thường xuyên tới lui hai bên. Hiện nay ông M vẫn còn thương vợ con và muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn; tuy nhiên nếu bà N kiên quyết và vợ chồng phải ly hôn thì ông M có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với 01 tủ áo (nhôm kiếng) mà bà N đề cập trên đây là của bà N thì bà N có quyền đến nhận lại, ông không tranh chấp.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung chưa thành niên cho bà N trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông M xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do ông M thường xuyên rượu chè, không quan tâm gia đình, vợ con, xúc phạm người thân của bà, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và vợ chồng sống đã ly thân khoảng 04 năm nay, nên bà N yêu cầu ly hôn ông M. Về phía ông M, ông thừa nhận thỉnh thoảng cũng có rượu chè, được bà N khuyên nhủ và ông cũng có sửa đổi, việc ông bà sống ly thân là do yêu cầu chính đáng của bà N phải về gia đình cha mẹ ruột để chăm sóc người thân, ông M muốn hàn gắn để tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng không được bà N chấp nhận. Xét thấy trên thực tế, bà N và ông M đang sống ly thân đã khoảng 04 năm nay; khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành phiên hòa giải để động viên nhưng các bên

không thống nhất được với nhau; mặt khác, Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông M nữa; do đó xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông M có 02 con chung hiện đang ở với bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi là cháu Nguyễn Thị Tiểu Y thì cháu cho biết nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn, đối với cháu N1 thì đang còn quá nhỏ và đang được bà N nuôi dưỡng. Xét thấy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu Y và đồng thời để tạo điều kiện cho 02 cháu được sống gần gũi nhau, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 cháu Y và N1 cho bà N trực tiếp nuôi là phù hợp. Ông M không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của bà N không yêu cầu, được Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Trong đơn khởi kiện bà N có đề cập đến tài sản là cái tủ áo (nhôm kiếng) do cha mẹ của bà cho trong ngày cưới hiện ông M đang quản lý, bà N có yêu cầu được nhận lại, nhưng trong quá trình giải quyết, bà N muốn tự thỏa thuận với ông M trong việc giải quyết nên đã thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản này; xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà N đã được xác nhận tại phiên tòa là do bà hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác để Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn ông Nguyễn Văn M.

- *Về con chung:* Giao 02 cháu Nguyễn Thị Tiểu Y sinh ngày 29/4/2010 và Nguyễn Thị Thanh N1 sinh ngày 18/4/2017 cho bà Trần Thị Mỹ N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0004160, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã X, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu